

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

---

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Tên chương trình: Ngôn ngữ Anh**  
**Trình độ đào tạo: Đại học**  
**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**  
**Mã ngành: 7220201**

**THANH HÓA, NĂM 2021**



## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Tên chương trình:** Ngôn ngữ Anh

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Tiếng Anh

**Mã ngành:** 7220201

*(Ban hành theo Quyết định số ..... /QĐ-ĐHHD ngày ...../...../..... của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức).*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân tiếng Anh có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có sức khỏe và có kiến thức ngành và chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu công việc đa lĩnh vực như biên - phiên dịch viên, chuyên viên tiếng Anh, cán bộ quản lý chuyên môn, nghiên cứu viên; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh; được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở các bậc cao hơn, rèn luyện những phẩm chất và kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp quan trọng để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Đại học Ngôn ngữ Anh nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm sau đây:

PO1: Có hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh;

PO2: Có được hệ thống kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa Việt Nam; môi trường và con người; những vấn đề xã hội học đại cương; vận dụng được kiến

thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa hóa Việt Nam.

PO3: Có kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT)

PO4: Đạt được kỹ năng, thao tác cơ bản trong nghiên cứu khoa học;

PO5: Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết); và năng lực sử dụng cơ bản với ngoại ngữ khác theo yêu cầu ngoại ngữ 2.

PO6: Được trang bị những kiến thức chuyên sâu về lý luận và kỹ năng dịch thuật;

PO7: Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các thao tác ngôn ngữ trong công việc biên phiên dịch;

PO8: Phát triển kỹ năng mềm như tư duy hệ thống, kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm, giao tiếp và quản lý thời gian trong học tập, nghiên cứu, có năng lực sáng tạo;

PO9: Tự học, tự tích lũy kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp;

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

PLO1: Phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

PLO2: Hiểu, phân tích được thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam; các thành tố văn hóa, không gian và thời gian văn hóa; về môi trường và con người; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế- xã hội; Vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp;

PLO3: Trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn;

PLO4: Tiến hành được các công việc nghiên cứu khoa học về các vấn đề cơ bản thuộc

lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

PLO5: Phân tích, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ Âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa) trong thực tiễn giao tiếp và chuyên môn;

PLO6: Đối chiếu và vận dụng được kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ vào các tình huống giao tiếp ngôn ngữ và để tránh được các vấn đề trong giao tiếp văn hóa;

PLO7: Áp dụng được kiến thức ngôn ngữ và chuyên ngành để đánh giá các văn bản sẽ sử dụng cho mục đích giao tiếp, dịch thuật và tác nghiệp ở môi trường làm việc;

## **2.2. Kỹ năng**

PLO8: Thực hiện được các tình huống giao tiếp ngoại ngữ 2 trong thực tế giao tiếp. Đạt chuẩn ngoại ngữ 2 bậc 3/6 tương đương đối với các loại ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được đào tạo chính qui tại các cơ sở đào tạo hợp pháp trong hệ thống giáo dục quốc dân;;

PLO9: Sử dụng thành thạo bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói đọc viết) trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ thực tiễn của tiếng Anh; Đạt chuẩn đầu ra bậc 5 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương cấp độ C1 Khung Năng lực Châu Âu đối với ngoại ngữ Anh;

PLO10: Sử dụng được các kỹ năng biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh để dịch câu, các thể loại văn bản khác nhau; năng lực phiên dịch đôi Anh-Việt, Việt-Anh ở mức thành thạo;

PLO11: Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động chuyên môn: xác định và phân tích mục tiêu công việc, triển khai các giải pháp và khuyến nghị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;

PLO12: Áp dụng kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

## **2.3. Thái độ**

- Thể hiện niềm tin và lòng trung thành đối với đất nước; sự liêm chính và trách nhiệm với xã hội, công bằng và tôn trọng đồng nghiệp; thể hiện tầm nhìn và có kế hoạch trong công việc và trong cuộc sống;

- Thể hiện tính chủ động và sẵn sàng đưa ra quyết định, kiên trì, quyết tâm, linh hoạt trong công việc; thể hiện khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện khả năng quản lý thời gian và các nguồn lực;

## **2.4. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

PLO13: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong quá trình làm việc; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp trong quá trình biên phiên dịch tiếng Anh;

PLO14: Định hướng nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường;

PLO15: Tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PLO16: Kết luận, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn;

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 124 Tín chỉ (không kể GDTC và GDQP)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

**6. Cách thức đánh giá:** Theo quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

<b>7. Nội dung chương trình:</b>	<b>124 Tín chỉ</b>
<b>7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>35</b>
7.1.1. Lý luận chính trị	13
7.1.2. Ngoại ngữ II	10
+ <i>Bắt buộc</i>	0
+ <i>Tự chọn</i>	10
7.1.3. Tin học, KHXH, môi trường	12
+ <i>Bắt buộc</i>	10
+ <i>Tự chọn</i>	02
7.1.4. Giáo dục thể chất	4
7.1.5. Giáo dục quốc phòng	11
<b>7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>89</b>
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành	9
+ <i>Bắt buộc</i>	6
+ <i>Tự chọn</i>	3
7.2.2. Kiến thức ngành	53
+ <i>Bắt buộc</i>	53
+ <i>Tự chọn</i>	0
7.2.3 Kiến thức bổ trợ	16
+ <i>Bắt buộc</i>	8
+ <i>Tự chọn</i>	8
7.2.4. Thực tập và khoá luận TN/HP thay thế	11
- Thực tập tốt nghiệp	5
- Khóa luận TN/HP thay thế khoá luận TN	6

### 8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
<b>A</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GDĐC</b>		<b>35</b>							
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>13</b>							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác-LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	1	2	LL Mác-LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	2	3	LL Mác-LN
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18		90	3	4	LSD-TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90		4	LSD-TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		3	Luật
<b>II</b>	<b>Ngoại ngữ II (chọn 1 trong 2 NN)</b>		<b>10</b>							
	<b>Tiếng pháp</b>		10							
7a	133069	Tiếng Pháp 1	4	36	24	24	180		4	N.Ngữ KC
8a	133005	Tiếng Pháp 2	3	27	18	18	135	7a	5	N.Ngữ KC
9a	133055	Tiếng Pháp 3	3	27	18	18	135	8a	6	N.Ngữ KC
	<b>Tiếng Trung Quốc</b>		10							
7b	133009	Tiếng Trung Quốc 1	4	36	24	24	180		4	N.Ngữ KC
8b	133011	Tiếng Trung Quốc 2	3	27	18	18	135	7b	5	N.Ngữ KC
9b	133010	Tiếng Trung Quốc 3	3	27	18	18	135	8b	6	N.Ngữ KC
<b>III</b>	<b>Tin học, KHXH, Môi trường</b>		<b>12</b>							
10	173080	Tin học	2	10		40	90		2	Mạng máy tính & ÚD
11	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	18	6	90		1	Xã hội học
12	125105	Môi trường và con người	2	18	18	6	90		1	Sinh học
13	132001	PP NCKH chuyên ngành tiếng Anh	2	18	24		90		4	NN-VH-PGD
14	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	18	6	90		2	TLH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
15	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	123240	Xã hội học đại cương	2	18	18	6	90		XHH	
b	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2	18	18	6	90		XHH	
<b>IV</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>									
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	3		27	90		Bóng-ĐK	
	Giáo dục thể chất 2 (chọn 1 trong 5 HP)									
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		Bóng-ĐK	
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		Bóng-ĐK	
c	191033	Bóng đá	2			30	90		Bóng-ĐK	
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		Bóng-ĐK	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		Bóng-ĐK	
V	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165						TTGDQP	
<b>B</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GDCN</b>		<b>89</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>9</b>							
16	131076	Ngữ pháp	3	27	36		135	1	NN-VH-PPGD	
17	132034	Ngữ pháp nâng cao	3	27	36		135	16	3	NN-VH-PPGD
18	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	123100	Ngữ âm- âm vị học	3	27	18	18	135		2	NN-VH-PPGD
b	132009	Luyện phát âm tiếng Anh	3	27	18	18	135		2	NN-VH-PPGD
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>53</b>							
19	132022	Lý thuyết dịch	2	18	24		90		3	NN-VH-PPGD
20	132011	Biên dịch 1	2	18	12	12	90	19	5	NN-VH-PPGD
21	132014	Biên dịch 2	3	27	18	18	135	20	6	NN-VH-PPGD
22	132023	Biên dịch 3	2	18	12	12	90	21	7	NN-VH-



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
										PPGD
23	132021	Phiên dịch 1	2	18	12	12	90	19	6	NN-VH-PPGD
24	132031	Phiên dịch 2	3	27	18	18	135	23	7	NN-VH-PPGD
25	132033	Phiên dịch 3	3	27	18	18	135	24	8	NN-VH-PPGD
26	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	27	18	18	135		1	PTKN
27	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	27	18	18	135		1	PTKN
28	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	27	18	18	135	26	2	PTKN
29	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	27	18	18	135	27	2	PTKN
30	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	27	18	18	135	28	3	PTKN
31	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	27	18	18	135	29	3	PTKN
32	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	27	18	18	135	30	4	PTKN
33	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	27	18	18	135	31	4	PTKN
34	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	27	18	18	135	32	5	PTKN
35	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	27	18	18	135	33	5	PTKN
36	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	27	18	18	135	34	7	PTKN
37	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	27	18	18	135	35	6	PTKN
<b>III</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>16</b>							
38	132060	Tiếng Anh kinh tế	2	18	24		90	32, 33	5	NN-VH-PPGD
39	131085	Văn hoá Anh -Mỹ	2	18	24		90	28, 29	5	NN-VH-PPGD
40	132058	Văn học Anh -Mỹ	2	18	24		90	32, 33	7	NN-VH-PPGD
41	132061	Tiếng Anh du lịch	2	18	24		90	34, 35	7	NN-VH-PPGD
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	233056	Kỹ năng thuyết trình	2	18	12	12	90	32, 33	6	NN-VH-PPGD
b	132027	Phong cách học	2	18	24		90	32, 33	6	NN-VH-PPGD

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học				
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2								
a	132069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	2	18	24		90	32, 33	6	NN-VH-PPGD	
b	132065	Ngữ dụng học	2	18	24		90	32, 33	6	NN-VH-PPGD	
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2								
a	132052	Giao thoa văn hoá	2	18	24		90	31, 32	7	NN-VH-PPGD	
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá	2	18	24		90	31, 32	7	NN-VH-PPGD	
45	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2								
a	132024	Ngôn ngữ học tri nhận	2	18	24		90	31, 32	7	NN-VH-PPGD	
b	132063	Phân tích diễn ngôn	2	18	24		90	31, 32	7	NN-VH-PPGD	
<b>IV</b>	<b>Thực tập, KLTN/HP thay thế</b>		<b>11</b>								
46	132010	Thực tập tốt nghiệp	5			150			8		
47	132068	Khoá luận tốt nghiệp	6			180			8	Khoa NN	
48	<i>Học phần thay thế khóa luận</i>		6								
	<i>Chọn 2 trong 5 học phần</i>										
a	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD	
b	132008	Công nghệ trong dịch thuật	3	27	18	18	135		8	NN-VH-PPGD	
c	132028	Ngôn ngữ học xã hội	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD	
d	132037	Văn hóa doanh nghiệp	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD	
e	123210	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai*	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD	
<b>Tổng</b>			<b>124</b>								